

Số: 36 /2019/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ
và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;
Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Công nghệ Thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6999/TTr-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

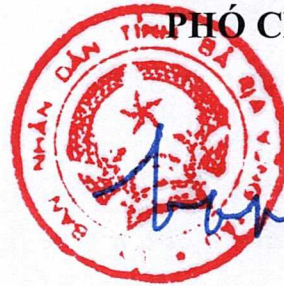
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Nguyên tắc trong việc thu thập khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước của Tỉnh.

2. Đảm bảo lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài; tập hợp, quản lý đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Tỉnh.

3. Được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin và được công bố công khai (trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng).

4. Phải sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

5. Đảm bảo tổ chức có hệ thống, thuận tiện cho việc quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.

6. Việc thu thập, khai thác, quản lý, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Kinh phí thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Kinh phí thu thập, xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Ủy ban nhân dân Tỉnh bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giao Sở Tài nguyên và Môi trường đặt hàng, giao nhiệm vụ cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THU THẬP,
QUẢN LÝ, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN,
DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Lập và trình kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, lập kế hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các sở, ban, ngành và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình xây dựng dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt.

Điều 5. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

2. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 6. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu kịp thời khi có biến động và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh.

3. Cá nhân, tổ chức sở hữu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được tạo lập từ ngân sách nhà nước kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu; giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, quản lý.

Điều 7. Giao nộp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường) theo quy định của pháp luật hiện hành và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

2. Các cơ quan, đơn vị đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân Tỉnh công bố phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng.

3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế này. Biên bản giao nộp hoặc Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường)

trường) là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

4. Dữ liệu quan trắc môi trường, quan trắc nguồn thải, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản được truyền trực tiếp, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường vận hành, quản lý.

5. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các tổ chức, cá nhân báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

Điều 8. Lưu trữ, bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Thông tin, dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa để lưu trữ, bảo quản.

b) Việc lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

d) Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

đ) Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

e) Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ xây dựng, vận hành, sử dụng thông tin, dữ liệu các Cơ sở dữ liệu thành phần tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh.

2. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

b) Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu; thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để đảm bảo an toàn thông tin.

c) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Điều 9. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân Tỉnh công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Các tổ chức, cá nhân khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử phải đăng ký và được cấp quyền truy cập.

b) Các tổ chức, cá nhân khi được cấp quyền truy cập phải truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

c) Cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu phải đảm bảo cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm; bảo đảm thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến.

d) Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu phải thông báo công khai (chậm nhất là 07 ngày làm việc) trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu và dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng (trừ trường hợp bất khả kháng) và tiến hành khắc phục sự cố.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua văn bản hoặc phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu hiện có, lập phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu

theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP nộp trực tiếp, qua Bưu điện hoặc qua môi trường mạng điện tử cho cơ quan, đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu tiếp nhận kiểm tra văn bản hoặc phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, cơ quan, đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.

d) Phiếu yêu cầu của cá nhân phải thông tin rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu. Văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan và có đóng dấu xác nhận.

đ) Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên, môi trường là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì văn bản yêu cầu phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các sở, ban, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của sở, ban, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu theo Mẫu số 03 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua hình thức hợp đồng

Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo Mẫu số 04 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền quản lý khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường cấp quyền truy cập đối với hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu qua Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử; chấp nhận hoặc từ chối đối với hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu qua văn bản yêu cầu hoặc phiếu yêu cầu; được ký kết hợp đồng cung cấp thông tin, dữ liệu với cá nhân, tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

Điều 12. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu Quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý;

sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân Tỉnh kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của Tỉnh theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm để đảm bảo tính liên tục, thống nhất; tiếp nhận, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu, Cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các thông tin, dữ liệu trong Tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành; Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

5. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

6. Phối hợp với các sở, ban, ngành lập biên bản xác nhận giao nộp sản phẩm thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, làm cơ sở cho công tác thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, dữ liệu, bảo đảm thông suốt và an toàn thông tin theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các sở, ban, ngành phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật

thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; lập biên bản xác nhận giao nộp sản phẩm thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, làm cơ sở cho công tác thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường vào lĩnh vực phụ trách.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

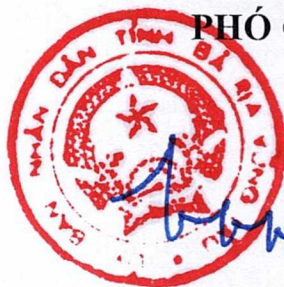
1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của Tỉnh.

2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc